

Bản án số: 20/2019/DSST

Ngày: 13/5/2019

V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ, TP HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mai Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Thang

Ông Nguyễn Đình Thọ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thanh trì

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 13 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 169/2019/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Chị Đỗ Kiều T** - SN 1985

ĐKKHKT: Thôn B, xã V, huyện T, TP Hà Nội

Nơi cư trú: thôn N, xã N, huyện Q, TP Hà Nội.

- **Bị đơn: Anh Phùng Thế T** - SN 1983

ĐKKHKT+nơi cư trú: thôn B, xã V, huyện T, TP Hà

(Chị T có mặt tại phiên tòa; anh T có mặt tại phần thủ tục nhưng vắng mặt tại phần hỏi, phần tranh luận, phần tuyên án do anh T tự ý bỏ về không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 08/3/2019 và các văn bản khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Đỗ Kiều T trình bày:

Chị và anh Phùng Thế T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22/01/2007 tại UBND phường L, quận H, TP Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống ở phường L một thời gian rồi chuyển về sống với mẹ chồng tại thôn B, xã V, huyện T, TP Hà

Nội. Vợ chồng chị mâu thuẫn từ năm 2008, nguyên nhân do anh T mắc nghiện ma túy và phải đi cai nghiện nhiều lần. Năm 2016 chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh T.

Về con chung: vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Phùng Thị Kiều A sinh ngày 24/10/2007. Sau khi ly hôn, do chị có khó khăn về kinh tế và không có khả năng trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên chị để cho anh T nuôi con, chị sẽ cấp dưỡng theo khả năng của mình.

Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: vợ chồng chị không tranh chấp gì về tài sản chung và chị T không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại văn bản ngày 05/4/2019 và các văn bản tiếp theo, bị đơn là anh Phùng Thế T trình bày:

Anh và chị T kết hôn tự nguyện và có đăng ký tại UBND phường L, quận H, TP Hà Nội ngày 22/01/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với gia đình anh tại thôn B, xã V, huyện T, TP Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng không mâu thuẫn gì lớn. Sau khi anh đi cai nghiện về chị T có thái độ không tốt với chồng, sau đó chị T tự ý bỏ đi, anh không rõ nguyên nhân vì sao. Anh và mẹ anh đã khuyên can nhưng chị T không quay về. Nay chị T nộp đơn xin ly hôn, anh không đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: anh T xác nhận vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Phùng Thị Kiều A sinh ngày 24/10/2007, cháu bị thiếu năng trí tuệ từ nhỏ, hiện đang sống với anh và có chế độ trợ cấp của nhà nước. Nếu trong trường hợp vợ chồng ly hôn, anh xin trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: vợ chồng không tranh chấp gì về tài sản chung và anh T không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại phiên toà hôm nay:

Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên. Chị không đồng ý đoàn tụ vì anh T mắc nghiện ma túy và hay đánh đập chị. Về con chung, vợ chồng chị có một con chung là cháu Phùng Thị Kiều A sinh ngày 24/10/2007, cháu bị thiếu năng trí tuệ từ nhỏ, hiện đang sống với bố và bà nội tại thôn B, xã V. Từ khi bỏ đi, thỉnh thoảng chị có gửi tiền về để anh T nuôi con, nhưng không nhiều do hoàn cảnh kinh tế của chị rất khó khăn. Hiện nay chị đang ở nhà mẹ đẻ tại tỉnh Đ, thu nhập không có vì chị chỉ làm nương rẫy. Do vậy sau

khi ly hôn, chị đồng ý để anh T nuôi con chung và chị sẽ cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của mình. Khi nào có điều kiện hơn thì chị sẽ cấp dưỡng nhiều hơn.

Anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì có quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Kiều T với anh Phùng Thế T. Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Phùng Thị Kiều A sinh ngày 24/10/2007. Giao con chung cho anh Thạch trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục; anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo khả năng thực tế. Vợ chồng không tranh chấp gì về tài sản chung nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Chị Đỗ Kiều T và anh Phùng Thế T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 22/01/2007 tại UBND phường L, quận H, TP Hà Nội. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp tiến bộ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T nhiều lần đi cai nghiện, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Anh T có quan điểm không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được phương án để vợ chồng đoàn tụ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa để hòa giải. Về phía chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Như vậy, xét thấy tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 51, 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Kiều T đối với anh Phùng Thế T.

[2] Về con chung: chị T, anh T đều xác nhận vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Phùng Thị Kiều A sinh ngày 24/10/2007. Qua điều tra xác minh tại địa phương và lời khai của các bên và cung cấp của mẹ đẻ anh T thì cháu bị thiếu năng trí tuệ từ nhỏ. Từ khi

chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống thì cháu sống với bố và bà nội tại thôn B, xã V, huyện T, TP Hà Nội. Cháu có chế độ trợ cấp của Nhà nước cho người khuyết tật. Hiện nay chị T chưa có điều kiện để trực tiếp nuôi con chung nên chị nhất trí giao cháu Kiều A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, chị sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo khả năng thực tế của mình. Anh T nhất trí nuôi con chung nếu vợ chồng ly hôn và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của các bên là chính đáng và phù hợp với lợi ích của cháu bé nên căn cứ vào các Điều 58, 71, 72, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Phùng Thị Kiều A sinh ngày 24/10/2007 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Chị T có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo khả năng thực tế của mình. Nếu sau này các bên có yêu cầu hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con thì giành quyền khởi kiện cho các bên bằng vụ án dân sự khác.

[3] Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: chị T và anh T không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

[4] Về thủ tục tố tụng: anh T đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có do. Hội đồng xét xử nhận thấy việc xét xử và ra bản án vắng mặt đối với anh Thạch là phù hợp với khoản 2 Điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Về án phí: chị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
- Các Điều 51, 54, 56, 58, 71, 72, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014
- Điều 26 - Luật Thi hành án

- Khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Kiều T được ly hôn anh Phùng Thế T.

2. Về con chung: xác nhận chị T và anh T có 01 con chung là cháu Phùng Thị Kiều A sinh ngày 24/10/2007. Giao cháu Kiều A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Các bên có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các bên có đơn yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: chị T và anh T không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai số AA/2016/0008752 ngày 29/3/2019 tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện T, TP Hà Nội. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Mai Thu

